

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2TS** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH01074** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Giáo dục thể chất**
Số tín chỉ: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2253801012822	Nguyễn Phạm Tâm	18/08/1988				7	6.0				8.0		7.3
2	2253801012823	Thạch Văn Thành	05/04/1991				8	9.0				9.0		8.9
3	2253801012824	Võ Thị Mai Thảo	05/10/2000				9	10.0				7.0		8.1
4	2253801012825	Huỳnh Trí Thiện	10/07/1990				9	9.0				8.0		8.4
5	2253801012826	Phan Ngọc Thiện	26/08/2006				0	0.0				0.0	0.0	0.0
6	2253801012827	Phạm Kiều Tiên	19/07/2005				0	0.0				0.0	0.0	0.0
7	2253801012828	Đoàn Trung Tính	25/01/2003				10	9.0				8.0		8.5
8	2253801012829	Lê Thị Huỳnh Trần	12/05/2006				10	10.0				9.0		9.4
9	2253801012830	Định Thị Tuyết Vân	05/02/1993				6	8.0				6.0		6.5
10	2253801012831	Đặng Thị Kim Xuyên	12/12/1996				0	0.0				0.0	0.0	0.0
11	2253801013364	Khuru Thị Thúy Anh	08/11/1984				0	0.0				0.0	0.0	0.0
12	2253801013365	Lê Hoàng Anh	24/02/1989				9	10.0				8.0		8.7
13	2253801013366	Nguyễn Thị Chúc	24/05/1988				8	10.0				8.0		8.5
14	2253801013367	Trần Văn Đễ	22/02/1969				9	9.0				8.0		8.4
15	2253801013368	Hứa Thị Đình	01/06/1990				0	0.0				0.0	0.0	0.0
16	2253801013369	Lê Văn Hậu	26/05/1988				0	0.0				0.0	0.0	0.0
17	2253801013370	Lâm Thị Thanh Hiếu	11/03/1990				8	9.0				9.0		8.9
18	2253801013371	Lý Thị Thúy Ngân	20/01/2006				0	0.0				0.0	0.0	0.0
19	2253801013372	Huỳnh Thị Có Ngọc	27/01/2006				0	0.0				0.0	0.0	0.0
20	2253801013373	Huê Hồng Phú	20/11/1976				10	9.0				7.0		7.9
21	2253801013374	Phạm Văn Thuận	01/01/1992				0	0.0				0.0	0.0	0.0
22	2253801013375	Trần Thanh Tiêng	26/03/1974				9	10.0				9.0		9.3
23	2253801013376	Nguyễn Tường Vy	21/08/2006				0	0.0				0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 20 tháng 5 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trương Thành Tự